

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96 (TA9)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 07/QĐ-CTCP ngày 21 tháng 4 năm 2025  
của Chủ tịch HĐQT Công ty CPXL Thành An 96)*

**ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI**  
**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)**

*Đà Nẵng, ngày 21 tháng 4 năm 2025*

## MỤC LỤC

### **CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Các chữ viết tắt

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

### **CHƯƠNG II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

Điều 8. Công bố thông tin bất thường

Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu

Điều 10. Công bố thông tin về các hoạt động khác

Điều 11. Công bố thông tin của các đối tượng khác

Điều 12. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Điều 13. Tạm hoãn công bố thông tin

### **CHƯƠNG III: QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Điều 14. Quy trình công bố thông tin

Điều 15. Trách nhiệm của bộ phận công bố thông tin, người thực hiện công bố thông tin

Điều 16. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan.

### **CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Điều 18. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện.

# CHƯƠNG 1: QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về việc thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 đối với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan, đơn vị. Xác định công việc và trách nhiệm, quyền hạn của Bộ phận công bố thông tin, các cơ quan, đơn vị và các cá nhân liên quan đến hoạt động công bố thông tin tại Công ty.

### 2. Đối tượng áp dụng:

- a. Bộ phận công bố thông tin;
- b. Người thực hiện công bố thông tin;
- c. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
- d. Trưởng các phòng chức năng Công ty; Chỉ huy, trưởng ban các đơn vị trực thuộc Công ty;
- e. Cổ đông;
- f. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- g. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

## Điều 2. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96
- CBTT : Công bố thông tin
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCCK HN/HNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- VSDC : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
- IDS PRO : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- CIMS : Hệ thống quản lý thông tin của SGDCCK HN

## Điều 3. Giải thích từ ngữ:

### 1. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

- a. Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
- b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
- c. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;
- d. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

### 2. Người nội bộ của Công ty bao gồm:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

c. Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh quản lý tương đương theo quy định tại Điều lệ Công ty;

d. Kế toán trưởng;

e. Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;

f. Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty;

3. *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a. Công ty và người nội bộ của Công ty;

b. Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết;

c. Tổ chức, cá nhân mà trong mỗi quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng CBTT theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng CBTT phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi CBTT, Đối tượng CBTT theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK HN về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý. Trường hợp các cá nhân CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK HN 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK HN thực hiện công khai thông tin.

5. Thông tin được công bố bằng tiếng Việt và được lưu giữ, bảo quản tại Công ty dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm đối với thông tin công bố định kỳ, tối thiểu 05 năm với các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác; các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang

thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

6. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, việc thực hiện nghĩa vụ CBTT sẽ vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

#### **Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Người thực hiện CBTT là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người ủy quyền CBTT theo quy định của Quy chế này và của Pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố.

3. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.

4. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK HN trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.

#### **Điều 6. Phương tiện công bố thông tin**

<b>TT</b>	<b>Đối tượng tiếp nhận CBTT</b>	<b>Phương tiện CBTT</b>
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty (Thanhan96.vn).(*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Pro.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS.
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5	hợp	Báo in, Báo điện tử, v.v...

- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

## CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 7. Công bố thông tin định kỳ:

TT	Tên báo cáo	Thời hạn công bố	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
<b>I</b>	<b>- Báo cáo tài chính (BCTC):</b>			
1	<p>- BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.</p> <p><b>- Kèm theo báo cáo giải trình:</b></p> <p>+ Thay đổi lợi nhuận sau thuế từ <b>10%</b> trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.</p> <p>+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.</p> <p>+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ <b>5%</b> trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</p> <p>- Văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kiểm toán đưa ra ý kiến không chấp nhận toàn phần.</p>	<p>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>	<p>Trong thời hạn 08 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 88 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>	
2	<p>- BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.</p> <p><b>- Kèm theo báo cáo giải trình:</b></p> <p>+ Thay đổi lợi nhuận sau thuế từ <b>10%</b> trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.</p> <p>+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.</p> <p>+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ <b>5%</b> trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</p> <p>- Văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kiểm toán đưa ra ý kiến không chấp nhận toàn phần.</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.</p>	<p>Trong thời hạn 04 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 58 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.</p>	

3	<p>BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có).</p> <p><b>- Kèm theo báo cáo giải trình:</b></p> <p>+ Thay đổi lợi nhuận sau thuế từ <b>10%</b> trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.</p> <p>+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.</p>	<p>30 ngày kể từ ngày kết thúc quý hoặc trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét (nếu có) nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.</p>	<p>28 ngày kể từ ngày kết thúc quý hoặc trong thời hạn 04 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét (nếu có) nhưng không quá 43 ngày kể từ ngày kết thúc quý.</p>	<p>Trường hợp đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý.</p>
II	<p><b>Báo cáo thường niên (BCTN)</b></p> <p>Phụ lục IV ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.</p>	<p>Trong vòng 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>	<p>Trong vòng 18 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 108 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>	<p>Thông tin tài chính trong BCTN phải phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán.</p>
III	<p><b>Báo cáo tình hình quản trị Công ty:</b></p> <p>- Báo cáo 06 tháng đầu năm</p> <p>- Báo cáo năm</p>	<p>Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.</p>	<p>Chậm nhất là 28 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.</p>	
IV	<p><b>Họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)</b></p>			
1	<p>Họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường</p>	<p>Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ</p>	<p>Tối thiểu 19 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ</p>	<p>Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết,</p>

				tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).
2	Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết phải được công bố.	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	Tối thiểu 09 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	Công bố trên trang thông tin điện tử Công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông.
3	Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ. + Nghị quyết, biên bản, tài liệu đã thông qua đại hội, biên bản kiểm phiếu (nếu đại hội lấy ý kiến bằng văn bản)...	Trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong vòng 20h kể từ khi xảy ra sự kiện	
V	<b>Danh sách cổ đông lớn, Cổ đông Nhà nước</b>	Trong vòng 10 ngày kết thúc 6 tháng và kể thúc năm	Trong vòng 08 ngày kết thúc 6 tháng và kể thúc năm	
VI	<b>Báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng cổ đông lớn, Nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty</b>	Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng	Trong vòng 02 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng	Công bố trên trang thông tin điện tử Công ty

## **Điều 8. Công bố thông tin bất thường**

*(Trong vòng 20h kể từ khi xảy ra sự kiện các bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ cho bộ phận công bố thông tin để công bố cho kịp thời).*

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện dưới đây, Công ty phải thực hiện công bố thông tin bất thường và nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

1. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp trên;

2. Khi nhận được văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định:

- Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh;
- Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

4. Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

5. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

6. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

7. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh

nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

8. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

9. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;

10. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

11. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK HN bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư Thông tư 96/2020/TT-BTC;

12. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét;

13. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

14. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

15 Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

16. Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

17. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

18. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

19. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến để tham dự họp ĐHCĐ. Trường hợp thực hiện quyền khác, thông tin công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

20. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố.

21. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

22. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

23. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

24. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác:

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

### **Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu**

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, Sở GDCK khi xảy ra sự kiện, Công ty phải thực hiện công bố thông tin.

<b>Nội dung công bố thông tin</b>	<b>Ghi chú</b>
Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, Sở GDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).
Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	

**Điều 10. Công bố thông tin về các hoạt động khác:**

TT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	
2	CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	
3	CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Thực hiện theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

**Điều 11. Công bố thông tin của các đối tượng khác**

TT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố
1	<b>Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</b>	
-	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty; Nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải báo cáo với Công ty, UBCKNN, SGDCK HN về thông tin và giao dịch.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn. (Mẫu theo Phụ lục VII (Phụ lục IX), Thông tư 96/2020/TT-BTC)
-	Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi. (Mẫu theo Phụ lục VIII (Phụ lục X), Thông tư 96/2020/TT-BTC)

	biểu quyết báo cáo với Công ty, UBCKNN, SGDCK HN.	Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán.
<b>2</b>	<b>Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.</b>	
<b>2.1</b>	Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN, Sở GDCK HN khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở GDCK HN (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).	<p>Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch (mẫu Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV Thông tư 96/2020/TT-BTC);</p> <p>Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch, phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>- Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của Người nội bộ không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.</p>
<b>2.2</b>	Người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.
<b>2.3</b>	Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Mục 1, Điều 11 Quy chế này.	

*Ghi chú: Công ty công bố trên Website của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo của đối tượng nêu mục 1 và 2 Điều 11.*

**Điều 12. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai**

Thực hiện theo quy định pháp luật chào mua công khai

**Điều 13. Tạm hoãn công bố thông tin**

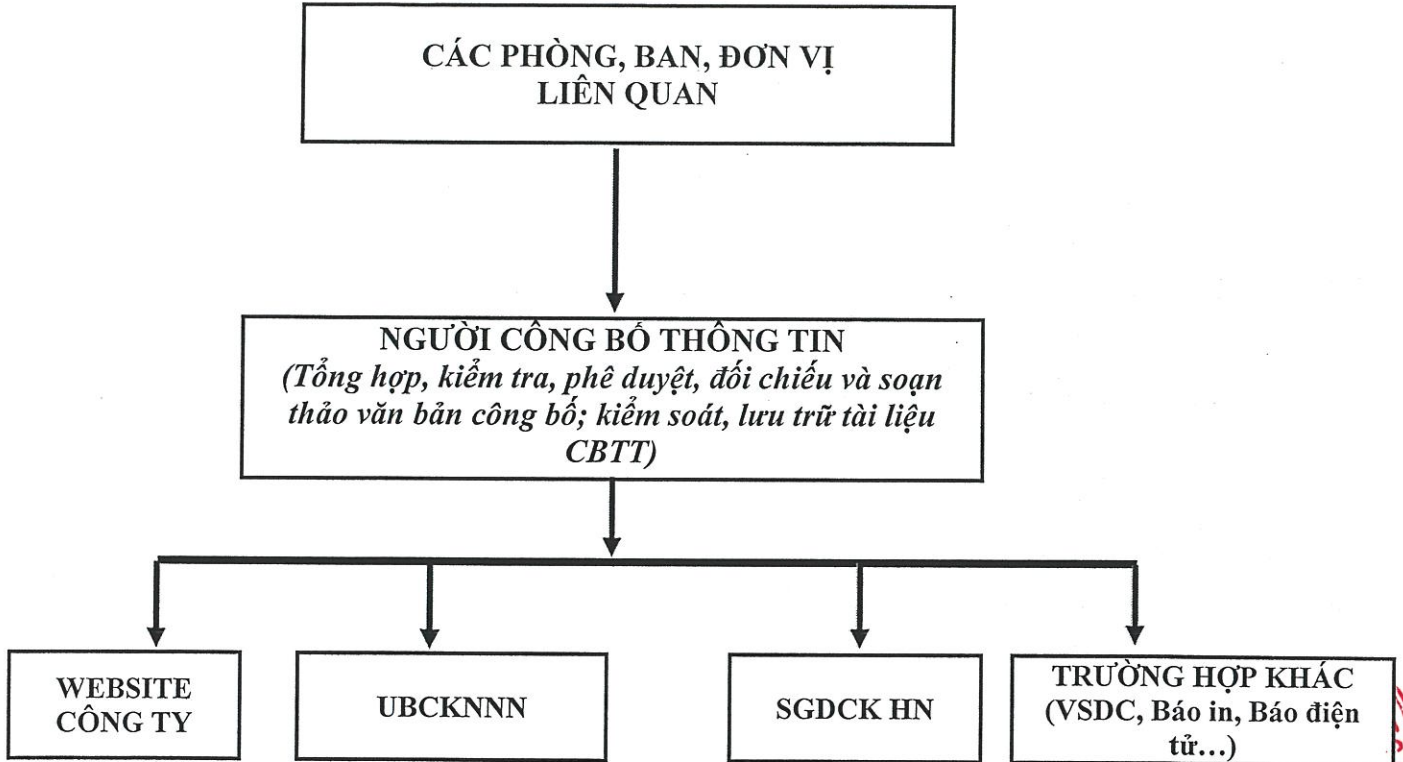
1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lí do bất khả kháng khác và phải báo cáo UBCKNN, SGDCK HN về việc tạm hoãn CBTT ngày khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty phải có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

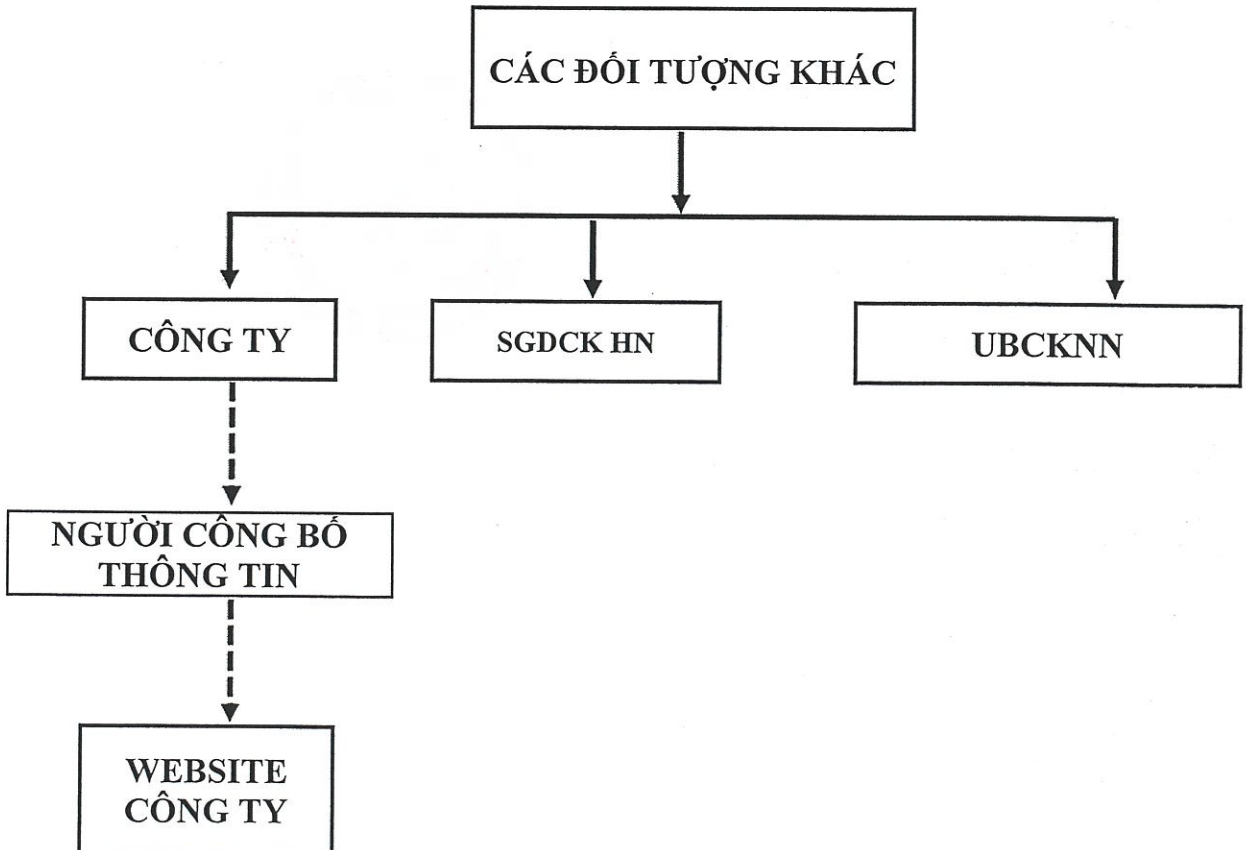
### CHƯƠNG III. QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 14. Quy trình công bố thông tin:

1. Áp dụng các phòng ban, đơn vị liên quan theo quy định tại Điểm a, b và d Khoản 2 Điều 1 Quy chế này



2. Áp dụng đối với các đối tượng khác



**Điều 15. Trách nhiệm của Bộ phận CBTT, người thực hiện CBTT.**

1. Giám sát việc thực hiện đúng quy trình công bố thông tin.
2. Kiểm tra tính chính xác, phù hợp với nội dung thông tin cần công bố, công bố, đối chiếu với các quy định hiện hành về công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin đến các tổ chức, cá nhân cần thiết theo quy định.
3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc về việc thực hiện công bố thông tin.

**Điều 16. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan**

1. Đảm bảo tuân thủ và thực hiện đúng Quy chế công bố thông tin.
2. Cung cấp thông tin cho bộ phận CBTT kịp thời, đầy đủ và cung cấp thông tin theo yêu cầu của Bộ phận CBTT.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin cung cấp cho Bộ phận công bố thông tin.

## CHƯƠNG IV

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 17. Hiệu lực thi hành**

Quy chế công bố thông tin của Công ty bao gồm 4 chương với 18 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những nội dung không nêu tại quy chế này thì thực hiện theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 18. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện**

Bộ phận công bố thông tin, người được ủy quyền công bố thông tin và các cơ quan, đơn vị và các đối tượng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



Phan Xuân Bằng